

Danh sách
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ THI CẤP CHỨNG NHẬN TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
(DẠNG THỨC TOEIC 450+)
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-TTNNTH, ngày tháng năm 2025 của Giám
đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học)
Khóa thi ngày: 20/8/2025

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
01	208001	Nguyễn Thị Thảo Anh	12/12/2003	Đồng Nai	360	
02	208002	Lê Vũ Châu Anh	01/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	370	
03	208003	Nguyễn Vũ Quỳnh Anh	06/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	305	
04	208004	Huỳnh Gia Bảo	17/04/2003	Đồng Nai	390	
05	208005	Nguyễn Ngọc Bích	29/05/2004	Vĩnh Long	815	Cấp CN
06	208006	Trần An Bình	04/09/2004	Đồng Tháp	540	Cấp CN
07	208007	Hồ Quốc Bình	08/07/2005	Khánh Hòa	370	
08	208008	Nguyễn Thanh Bình	24/12/2003	Tp. Đà Nẵng	465	Cấp CN
09	208009	Lê Thành Chung	05/08/2005	Gia Lai	495	Cấp CN
10	208010	Nguyễn Hữu Đăng	10/08/2005	Tp. Hồ Chí Minh	385	
11	208011	Trần Nguyễn Thành Danh	27/02/2001	Tp. Hồ Chí Minh	320	
12	208012	Nguyễn Tấn Đạt	21/09/2003	Tp. Hồ Chí Minh	335	
13	208013	Đỗ Phú Thành Đạt	21/02/2002	Tp. Hồ Chí Minh	410	
14	208014	Nguyễn Minh Đô	15/08/2003	Tây Ninh	185	
15	208015	Lê Khánh Duy	20/07/2004	Tây Ninh	315	
16	208016	Lê Trường Giang	16/08/2001	Đắk Lắk	495	Cấp CN
17	208017	Trần Long Giang	09/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	315	
18	208018	Trần Như Hải	23/04/2003	Khánh Hòa	305	
19	208019	Đoàn Thị Kiều Hân	09/02/2003	Đồng Tháp	490	Cấp CN
20	208020	Đặng Thị Mỹ Hạnh	09/09/2003	Tp. Hà Nội	520	Cấp CN
21	208021	Nguyễn Gia Hiền	25/04/2003	Tây Ninh	290	
22	208022	Nguyễn Quốc Hiệp	07/07/2003	Tây Ninh	325	
23	208023	Trần Hiếu Hòa	27/09/2003	Đắk Lắk	495	Cấp CN
24	208024	Phan Danh Hoàng	28/01/2003	Hà Tĩnh	620	Cấp CN
25	208025	Nguyễn Huỳnh Hùng	20/03/2004	Quảng Ngãi	470	Cấp CN
26	208026	Đặng Thanh Hương	05/03/2003	Đồng Tháp	Xin dời	
27	208027	Trương Khắc Huy	24/05/2004	Đồng Tháp	560	Cấp CN
28	208028	Lê Quang Huy	19/07/2004	Tây Ninh	505	Cấp CN
29	208029	Đặng Minh Khánh	26/12/2003	Tây Ninh	465	Cấp CN
30	208030	Dương Anh Kiệt	21/02/2004	Tây Ninh	340	
31	208031	Lê Hoàng Khánh Linh	26/10/2003	Lâm Đồng	360	
32	208032	Trần Thị Cẩm Ly	11/10/2003	Lâm Đồng	505	Cấp CN

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
33	208033	Phuong Gia Mẫn	19/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	370	
34	208034	Vũ Đức Mạnh	31/10/2003	Đồng Nai	305	
35	208035	Nguyễn Tấn Miều	17/07/2003	Lâm Đồng	315	
36	208036	Trần Nhựt Minh	29/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	580	Cấp CN
37	208037	Cao Thúy My	28/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	780	Cấp CN
38	208038	Đỗ Thị Mỹ Ngân	10/02/2003	Đồng Nai	310	
39	208039	Bùi Thị Khánh Ngân	16/11/2003	Hưng Yên	355	
40	208040	Võ Trần Vân Nghi	23/09/2004	Lâm Đồng	380	
41	208041	Phạm Minh Nghĩa	08/11/2003	Tây Ninh	285	
42	208042	Huỳnh Ngọc Nhân	25/07/2004	Đồng Tháp	490	Cấp CN
43	208043	Lê Hoàng Trọng Nhân	02/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	295	
44	208044	Nguyễn Thị Thanh Nhi	12/08/2003	An Giang	390	
45	208045	Huỳnh Lan Nhi	20/11/2003	Tp. Hồ Chí Minh	295	
46	208046	Phạm Thị Tuyết Nhi	24/07/2004	Tp. Hồ Chí Minh	820	Cấp CN
47	208047	Bùi Trang Quỳnh Như	28/06/2002	Quảng Ngãi	505	Cấp CN
48	208048	Đặng Thanh Nhựt	29/04/2000	Tây Ninh	285	
49	208049	Nguyễn Minh Nhựt	09/02/2004	An Giang	490	Cấp CN
50	208050	Lê Ngọc Phát	14/03/2003	Đồng Tháp	505	Cấp CN
51	208051	Phạm Đức Phát	24/11/2003	An Giang	300	
52	208052	Lê Vĩnh Phúc	23/12/2003	Tp. Cần Thơ	480	Cấp CN
53	208053	Lê Nhựt Quang	24/11/2002	Đồng Tháp	650	Cấp CN
54	208054	Đồng Thị Quyên	10/06/2002	Tp. Hồ Chí Minh	570	Cấp CN
55	208055	Võ Thị Lệ Quyên	13/07/2003	Quảng Ngãi	375	
56	208056	Huỳnh Đăng Hương Quỳnh	13/03/2003	Đồng Tháp	305	
57	208057	Nguyễn Nhật Quỳnh	13/11/2003	Tây Ninh	520	Cấp CN
58	208058	Trần Thị Diễm Quỳnh	14/04/2003	Hà Tĩnh	345	
59	208059	Lê Võ Anh Tài	15/06/2003	Đắk Lắk	475	Cấp CN
60	208060	Trần Tuấn Tài	26/10/2003	Tp. Hồ Chí Minh	330	
61	208061	Nguyễn Minh Tâm	11/04/2004	Tp. Hồ Chí Minh	450	Cấp CN
62	208062	Hà Duy Thái	26/09/2002	Tây Ninh	480	Cấp CN
63	208063	Đậu Hữu Thắng	13/09/2002	Nghệ An	360	
64	208064	Tạ Hữu Thắng	24/04/2002	Đồng Nai	260	
65	208065	Nguyễn Thị Thiên Thanh	01/01/2003	Lâm Đồng	460	Cấp CN
66	208066	Nguyễn Duy Thành	05/01/2003	Tp. Hồ Chí Minh	415	
67	208067	Lâm Thị Phương Thảo	08/06/2003	Tây Ninh	330	
68	208068	Huỳnh Thị Thu Thảo	06/12/2003	Khánh Hòa	300	
69	208069	Nguyễn Trọng Thế	21/08/2003	Khánh Hòa	315	

STT	SBD	Họ và	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm	Ghi chú
70	208070	Huỳnh Lê Anh Thư	14/02/2000	Tp. Hồ Chí Minh	980	Cấp CN
71	208071	Lê Anh Thư	01/09/2003	Tây Ninh	305	
72	208072	Hồ Vĩnh Thuận	07/04/2003	Tp. Hồ Chí Minh	560	Cấp CN
73	208073	Võ Trung Thuật	14/10/2003	Tây Ninh	595	Cấp CN
74	208074	Trịnh Ngọc Thủy Tiên	08/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	295	
75	208075	Lê Thị Thủy Tiên	12/03/2002	Tây Ninh	360	
76	208076	Cao Hữu Trọng Tín	01/06/2003	Tp. Hồ Chí Minh	520	Cấp CN
77	208077	Nguyễn Công Tộ	07/10/2002	Tp. Hồ Chí Minh	320	
78	208078	Cao Thị Mộng Trâm	21/12/2004	Tây Ninh	635	Cấp CN
79	208079	Nguyễn Thị Thùy Trang	14/02/2003	Quảng Ngãi	390	
80	208080	Hứa Thị Tú Trinh	20/01/2004	Tp. Hồ Chí Minh	785	Cấp CN
81	208081	Huỳnh Thị Kim Trinh	04/04/2003	Quảng Ngãi	305	
82	208082	Lê Đức Trọng	29/11/2003	Ninh Bình	405	
83	208083	Nguyễn Minh Trung	09/09/2003	Lâm Đồng	630	Cấp CN
84	208084	Nguyễn Quốc Trường	23/02/2004	Tp. Hồ Chí Minh	680	Cấp CN
85	208085	Nguyễn Tuấn Tú	29/04/2002	Tp. Hồ Chí Minh	395	
86	208086	Phạm Nguyễn Anh Tuấn	05/12/2004	Tp. Hồ Chí Minh	745	Cấp CN
87	208087	Nguyễn Thị Thanh Tuyết	05/02/2004	Tây Ninh	895	Cấp CN
88	208088	Lâm Thái Vĩ	01/01/2003	An Giang	320	
89	208089	Đoàn Văn Vinh	09/08/2003	Lâm Đồng	575	Cấp CN
90	208090	Nguyễn Cao Hoàng Vũ	03/07/2003	Tây Ninh	505	Cấp CN
91	208091	Nguyễn Thị Thúy Vui	11/12/2003	Tp. Hồ Chí Minh	560	Cấp CN
92	208092	Nguyễn Thị Khánh Vy	26/02/2003	Tp. Hồ Chí Minh	340	
93	208093	Trần Ngọc Như Ý	06/05/2004	Tp. Hồ Chí Minh	580	Cấp CN

Tổng cộng: 93 Thí sinh